

SỐ 1425

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

Hán Dịch: Đời Đông Tấn, Tam tạng Phật Đà Bạt Đà La,
người Thiên Trúc và Sa-môn Pháp Hiển.

QUYỂN 1

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỶ KHEO

Đoạn 1: NÓI VỀ 4 PHÁP BA LA DI

1. GIỚI: DÂM DỤC

Nếu thiện nam có lòng tin thuần thành, muốn được năm việc lợi ích, phải giữ gìn trọn vẹn Luật này. Thế nào là năm việc lợi ích?

1. Nếu thiện nam muốn xây dựng pháp Phật, phải giữ gìn trọn vẹn Luật này.

2. Nếu muốn chánh pháp được tồn tại lâu dài, phải giữ gìn trọn vẹn Luật này.

3. Nếu muốn khởi nghi ngờ, hối hận, khởi thưa hỏi người khác, phải giữ gìn trọn vẹn Luật này.

4. Vì để làm chỗ nương tựa cho những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni do phạm tội mà sinh lo sợ, nên phải giữ gìn trọn vẹn Luật này.

5. Vì muốn du hóa mọi nơi mà không bị chướng ngại, nên phải giữ gìn trọn vẹn Luật này.

Đó gọi là thiện nam có lòng tin thuần thành nhờ giữ gìn Luật này mà được năm việc lợi ích.

Nếu muốn giữ trọn vẹn

Oai nghi do Phật chế

Thành tựu năm công đức
 Phải nghe Thế Tôn dạy.
 Người giữ gìn Luật này
 Khéo nghe rõ ý nghĩa
 Nếu giữ được trọn vẹn
 Giới Luật của Đức Phật
 Là xây dựng pháp Phật
 Chính danh chân Phật tử.
 Pháp Phật được trụ lâu
 Chánh pháp được truyền bá
 Chẳng nghi ngờ điều chi
 Khởi phải hỏi kẻ khác.
 Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni
 Phạm tội có chỗ dựa
 Đi du hóa phương nào
 Điều không gặp chướng ngại.

Đức Thế Tôn Chánh Đẳng Chánh Giác từ lúc phát tâm tu tập cho đến nay đã thành tựu, vì muốn độ người nên an trú tại thành Xá-vệ. Chư Thiên, nhân loại cung kính cúng dường, tôn trọng tán thán, danh vang khắp mười phương, xem Ngài như bậc tối thắng trong các bậc đáng cúng dường. Chúng sinh nào cầu phước đức, Ngài ban cho phước đức. Chúng sinh nào cầu kết quả, Ngài ban cho kết quả. Chúng sinh nào khổ não Ngài làm cho an ổn. Ngài vì chư Thiên, nhân loại mà mở cửa cam lồ. Thế nên, mười sáu nước lớn không nước nào là không phục tùng. Những ai chính mình thấy biết cách an trú của Phật thì đều hiểu đó là cách an trú của chư Thiên, là cách an trú của Phạm Thiên, là cách an trú của Hiền Thánh, là cách an trú cao cả nhất, là cách an trú với trí tuệ tuyệt vời, được tự tại, tùy ý mà an trú. Do đó, Đức Như Lai an trú tại thành Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi kiết già nhập định một mình tại nơi thanh vắng, sau khi xuất định liền suy nghĩ: “Vì nhân duyên gì mà sau khi chư Phật diệt độ, giáo pháp không tồn tại lâu dài? Và vì nhân duyên gì mà sau khi chư Phật diệt độ, giáo pháp được tồn tại lâu dài?”. Thế rồi vào lúc xế chiều, sau khi xuất định, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên. Ngồi xong, Tôn giả bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Con ngồi nhập định tại một nơi thanh vắng, sau khi xuất định, con suy nghĩ vì nhân duyên gì mà chư Phật sau khi diệt độ, giáo pháp không tồn tại lâu dài?”

Vì nhân duyên gì mà sau khi chư Phật diệt độ, giáo pháp được tồn tại lâu dài?”.

Khi ấy, Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: “Này Xá-lợi-phất! Có những Đức Như Lai không nói rộng cho các đệ tử các kinh như: Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Tho-ký, Già-đà, Ưu-đà-na. Như Thị ngữ, Bản-sinh, Phương-quảng, Vị-tăng-hữu. Này Xá-lợi-phất! Có những Đức Như Lai không chế giới cho các Thanh văn, không quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa (giới). Do đó, sau khi Đức Như Lai diệt độ giáo pháp không tồn tại lâu dài.

Này Xá-lợi-phất! Ví như thợ làm hoa và đệ tử đem các thứ hoa có nhiều màu sắc để trên bàn, mà không dùng chỉ khâu lại, nếu có gió từ bốn phương thổi đến, thì hoa sẽ bay tứ tán. Vì sao thế? Vì không dùng chỉ khâu lại. Cũng vậy, này Xá-lợi-phất! Đức Như Lai nào không nói rộng chín bộ kinh cho các đệ tử, không chế giới cho Thanh văn, không quy định tụng Ba-la-đề-mộc-xoa, thì sau khi Đức Như Lai diệt độ giáo pháp không tồn tại lâu dài. Này Xá-lợi-phất! Đức Như Lai nào nói rộng chín bộ kinh cho các đệ tử, chế giới cho Thanh văn, quy định tụng Ba-la-đề-mộc-xoa, thì sau khi Đức Như Lai diệt độ, giáo pháp tồn tại lâu dài. Này Xá-lợi-phất! Ví như thợ làm hoa và đệ tử đem các thứ hoa có nhiều màu sắc dùng chỉ khâu lại, thì dù có gió từ bốn phương thổi đến cũng không bay tứ tán. Vì sao vậy? Vì đã có chỉ khâu. Cũng vậy, này Xá-lợi-phất! Đức Như Lai nào nói rộng chín bộ kinh, chế giới cho Thanh văn, quy định tụng Ba-la-đề-mộc-xoa, thì sau khi Đức Như Lai diệt độ, giáo pháp sẽ tồn tại lâu dài. Này Xá-lợi-phất! Vì các nhân duyên ấy mà giáo pháp hoặc tồn tại lâu dài, hoặc không tồn tại lâu dài”.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Kính xin Thế Tôn nói rộng chín bộ kinh, khéo chế giới cho Thanh văn, quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa, để cho giáo pháp tồn tại lâu dài. Thế Tôn hãy vì chư Thiên, nhân loại mà mở cửa cam lồ”.

Phật bảo Xá-lợi-phất: “Nếu chưa có nhân duyên lầm lỗi thì Như Lai chưa chế giới cho đệ tử và chưa quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa. Này Xá-lợi-phất! Ví như Chuyển luân Thánh vương chưa đặt ra hình phạt, nếu như Bà-la-môn, cư sĩ chưa phạm phải lỗi lầm. Cũng vậy, này Xá-lợi-phất! Như Lai cũng thế, nếu chưa có nhân duyên lầm lỗi thì Như Lai chưa chế giới cho đệ tử, chưa quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa. Nhưng này Xá-lợi-phất! Trong vị lai, những thiện nam có lòng tin chân chánh đối với pháp Phật, đã bỏ nhà xuất gia, nhưng có người vì tâm loạn điên đảo, khởi lên tướng tịnh (Tướng lầm

sắc đẹp là trong sạch), do ba độc mãnh liệt mà phạm các tội lỗi. Này Xá-lợi-phất! Chỉ khi ấy, Như Lai mới chế giới cho các đệ tử và quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa. Hãy thôi đi Xá-lợi-phất, Như Lai tự biết lúc nào cần phải làm gì”.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch: “Thưa vâng! Bạch Thế Tôn! Con hiểu Đức Như Lai biết lúc nào cần phải làm gì”.

*Bấy giờ Xá-lợi-phất
Chấp tay bày vai áo
Tùy đấng Chuyển pháp luân.
Thỉnh cầu pháp tối thắng
Cung thỉnh Đức Thế Tôn
Nay thật là đúng lúc
Xin vì các đệ tử
Mà chế định luật nghi.
Để giáo pháp của Phật
Được tồn tại mãi mãi.
Mong mở cửa cam lồ
Khai hóa cả nhân thiên.
Bậc trụ thân tối hậu
Đã thừa thỉnh như vậy.
Bấy giờ, Thế Tôn dạy:
Tôn giả Xá-lợi-phất
Đệ tử chưa có tội
Tặng chúng đều thanh tịnh
Chư Phật chưa bao giờ
Chưa lỗi mà chế giới.
Ví như Chuyển Luân Vương
Cai trị khắp thế giới
Khi người chưa có lỗi
Mà đặt ra hình phạt.
Đây cũng ví như thế
Phật là thầy trời người
Nếu đệ tử chưa lỗi
Thì chưa chế giới luật.
Khi có người phạm tội
Lầm lỗi đã phát sinh
Thì bậc thầy, trời, người,
Mới chế ra luật nghi.*

*Quá khứ như vị lai
Mắt Phật đâu chẳng thấy.
Tùy theo việc nặng nhẹ
Mà chế giới nặng nhẹ.
Pháp này được tuyên thuyết
Tại ngôi rừng Kỳ-hoàn
Xá-lợi-phất cung thỉnh
Thế Tôn dạy như vậy.*

Khi ấy, các Tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Vì sao các Tỳ-kheo chưa có lỗi lầm mà Tôn giả Xá-lợi-phất lại cung thỉnh Thế Tôn chế giới, quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa?”.

Phật dạy các Tỳ-kheo: “Xá-lợi-phất không những ngày nay chưa có lỗi lầm xảy ra lại thỉnh cầu Ta chế giới, xưa kia, tại một thôn xóm nơi một thành ấp nọ, dân chúng cư sĩ chưa có lỗi lầm mà ông cũng thỉnh cầu Ta chế ra các hình phạt”.

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Chẳng lẽ ngày xưa đã từng có việc như thế sao?”.

Phật dạy: “Đúng như thế”.

Các Tỳ-kheo lại bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn vui lòng kể lại, chúng con muốn nghe”.

Phật dạy các Tỳ-kheo: “Trong thời quá khứ có một thành tên Ba-la-nại, nước tên Ca-thì, vị quốc vương trị vì lúc ấy hiệu là Đại Danh Xưng, dùng pháp cai trị, không có kẻ thù oán, luôn hành bố thí, giữ giới, thương yêu dân chúng, thân phục quyển thuộc, trong nước dân chúng đông đúc, giàu có, an vui, thôn ấp xóm làng gà bay gặp nhau. Muôn dân cả nước đều thương kính nhau, dùng đủ thứ nghệ thuật để cùng chung hưởng an lạc. Khi ấy, có vị Đại thần tên là Đào-lợi, có nhiều mưu kế, suy nghĩ như sau: “Ngày nay tại vương quốc này tự nhiên giàu có mà dân chúng đông đúc, thành ấp xóm làng gà bay gặp nhau. Muôn dân cả nước đều thương kính nhau, dùng đủ thứ nghệ thuật để cùng nhau hưởng an lạc”.

Rồi vị Đại thần ấy đến tâu với quốc vương: “Ngày nay đất nước này tự nhiên giàu có, dân chúng đông đúc, thành ấp xóm làng gà bay gặp nhau. Muôn dân cả nước đều thương kính nhau, dùng đủ thứ nghệ thuật để cùng nhau chung hưởng an lạc. Xin Đại vương ngay lúc này hãy chế ra hình phạt, chớ để vui quá mà sinh ra những lỗi lầm”.

Vua nói: “Thôi thôi, lời đề nghị ấy không thể được. Vì sao thế? Vì lỗi lầm chưa phát sinh mà chế ra hình phạt làm chi”.

Vị Đại thần lại tâu với Vua: “Nên đề phòng việc chưa xảy ra, chớ để vui quá mà sinh ra lỗi lầm”.

Khi ấy, nhà Vua suy nghĩ: “Vị Đại thần này thông minh, mưu trí, giao tiếp rộng, khó có thể kìm chế ngay được, giờ đây nếu ta khiển trách thì y sẽ nảy sinh oán hận”. Thế rồi, để bảo ban tế nhị vị Đại thần, nhà Vua liền nói kệ như sau:

*Người thế lực dễ sân,
Khó mà khiển trách liền.
Dễ khiến họ phạm lỗi
Việc này thật không thể.
Đại nhân giàu lòng từ
Người trí có lỗi thật
Còn phải xem xét lại
Thương xót khi trừng phạt.
Người ác làm phiền người
Không xét kỹ lỗi họ
Mà gia tăng hình phạt
Tổn mình tiếng ác tăng
Như Vua ưa phẫn nộ, Hại
oan gia lương thiện.
Tiếng ác đồn bốn phương
Khi chết rơi đường ác.
Dem chánh pháp dạy dân
Thân miệng ý thanh tịnh
Nhẫn nhục tu tứ đẳng
Mới là Vua muôn dân.
Vua đứng trên mọi người
Phải kìm chế phẫn nộ
Thương yêu kẻ có tội
Tha thứ giảm hình phạt.*

Vị Đại thần nghe Vua nói, cảm thấy hoan hỷ, liền đọc kệ:

*Đại vương bậc tối thắng
Xin mãi che chở dân.
Nhẫn nhục tự điều phục
Kẻ oán sẽ cảm ân.
Đức của Vua bủa khắp
Cơ nghiệp vững muôn đời
Dùng đạo trị thiên hạ*

Thường làm Vua người trời.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Quốc vương Danh Xưng lúc ấy đâu phải ai khác mà chính là Ta đây, và Đại thần Đào-lợi là Tôn giả Xá-lợi-phất vậy. Khi ấy các trưởng giả cư sĩ ở các thành ấp xóm làng chưa có lỗi lầm gì mà ông xin Ta chế định hình phạt. Ngày nay các Tỳ-kheo cũng chưa có lỗi lầm gì mà ông lại xin Ta vì các đệ tử chế ra giới luật và quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa”.

Sau khi Đức Thế Tôn an trú an lạc tại thành Xá-vệ, liền cùng với năm trăm Đại Tỳ-kheo vây quanh trước sau du hành trong nhân gian đến nước Kiều-tát-la, xóm Canh-điền Bà-la-môn, khi đến nơi, liền an trú tại rừng Canh-điền. Rồi vào lúc xế chiều, Đức Thế Tôn xuất định, quan sát trên dưới, xung quanh bốn phía, nhìn khoảnh đất bằng phẳng trước mặt vừa mỉm cười vừa đi kinh hành.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất thấy Thế Tôn sau khi xuất định, quan sát trên dưới khắp nơi, nhìn khoảnh đất trước mặt bằng phẳng vừa mỉm cười vừa đi kinh hành. Thấy vậy, Tôn giả liền đến chỗ các Tỳ-kheo, nói với các thầy: “Các vị Trưởng lão! Vừa rồi tôi thấy Đức Thế Tôn, sau khi xuất định, quan sát khắp nơi... đi kinh hành lui tới. Nay các Trưởng lão! Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri không khi nào không có lý do mà lại mỉm cười. Nếu đến thưa hỏi, ắt hẳn chúng ta sẽ nghe Phật dạy về những việc tiền kiếp xa xưa. Ngày nay chúng ta hãy đến thưa hỏi Thế Tôn về ý nghĩa ấy, xem Phật dạy thế nào, chúng ta sẽ phụng hành”.

Các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói thế, liền cùng Xá-lợi-phất đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, đoạn cùng Phật đi kinh hành. Thế rồi, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch với Phật: “Vừa rồi, con thấy Thế Tôn sau khi xuất định, quan sát bốn phương... đi kinh hành lui tới, con liền đến chỗ các Tỳ-kheo, nói với các Tỳ-kheo như sau: “Này các Trưởng lão! Vừa rồi tôi thấy Thế Tôn sau khi xuất định, quan sát bốn phương... đi kinh hành lui tới. Nay các Trưởng lão! Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri không khi nào vô cớ mà lại mỉm cười. Nếu chúng ta đến thưa hỏi, ắt sẽ nghe Thế Tôn nói về những việc tiền kiếp xa xưa. Ngày nay chúng ta phải đến thưa hỏi Thế Tôn về ý nghĩa ấy, xem Phật dạy thế nào, rồi chúng ta sẽ phụng hành”. Bạch Thế Tôn! Chẳng hay vì nhân duyên gì mà Thế Tôn lại mỉm cười?”.

Lúc này, Đức Thế Tôn đưa cánh tay sắc vàng, chỉ xuống đất nói với Xá-lợi-phất: “Ông thấy khoảnh đất này chẳng?”.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: “Thưa vâng Thế Tôn, con đã thấy”.

Phật dạy: “Khoảnh đất này là khu vườn xưa kia của Đức Phật Ca-diếp, còn chỗ kia là Tinh xá của Ngài, nơi kia là chỗ đi kinh hành, và chỗ nọ là nơi ngồi thiền”.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất liền lấy y Tăng-già-lê xếp lại làm tư, rồi đặt vào chỗ đất ấy. Đặt xong, trịch áo bày vai phải, quỳ gối phải trên đất, chắp tay bạch Phật: “Kính mong Thế Tôn ngồi lên tòa này, để cho khoảnh đất này thành ra hai chỗ ngồi của hai Đức Phật”.

Đức Thế Tôn chấp nhận lời thỉnh cầu, liền ngồi lên đó. Tôn giả Xá-lợi-phất đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên mà bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu việc lợi ích mà Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì đệ tử chế ra giới luật và quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa?”.

Phật bảo Xá-lợi-phất: “Có mười việc lợi ích nên chư Phật Như Lai vì đệ tử chế giới, quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa. Mười việc lợi ích đó là:

1. Vì thân phục Tăng chúng.
2. Vì nhằm triệt để thân phục Tăng chúng.
3. Vì muốn cho Tăng chúng an lạc.
4. Vì để thân phục những người không biết hổ thẹn.
5. Vì để cho những người biết hổ thẹn cư trú yên ổn.
6. Vì để cho những người không tin khiến họ tin tưởng.
7. Vì để cho những người đã tin tăng thêm lòng tin.
8. Vì muốn dứt hết pháp lậu hoặc ngay trong hiện tại.
9. Vì để cho những lậu hoặc chưa sinh không thể sinh khởi.
10. Vì muốn cho chánh pháp được tồn tại lâu dài.

Chính vì muốn dùng mười việc lợi ích này để mở cửa cam lồ cho chư Thiên và nhân loại mà Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri chế giới cho các đệ tử, quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa”.

*Bấy giờ Xá-lợi-phất
Trịch vai phải chắp tay
Tùy thuận chuyển pháp luân
Thưa hỏi Đức Tối Thắng.
Vị thọ thân cuối cùng
Chắp tay thưa hỏi xong
Bấy giờ Đức Tối Thắng
Nói với Xá-lợi-phất:
Có mười thứ công đức
Mà Như Lai đã biết*

*Nên chế ra giới luật
 Cho tất cả đệ tử.
 Thâu giữ Tăng triệt để
 Khiến Tăng trú an lạc
 Thâu phục kẻ vô sĩ
 Người hổ thẹn yên ổn
 Người không tin khiến tin
 Người đã tin, tin hơn.
 Hiện tại hết lậu hoặc
 Lậu chưa sinh, không sinh.
 Chánh pháp tồn tại mãi,
 Mở cánh cửa cam lồ
 Chánh pháp này được thuyết
 Ở tại rừng Canh-điền.
 Xá-lợi-phất thưa hỏi,
 Thế Tôn đáp như vậy.*

Sau khi Đức Thế Tôn an trú an lạc tại xóm Canh-điền thuộc nước Kiêu-tát-la, liền từ đây đi đến nước Bạt-kỳ. Thế Tôn cùng năm trăm Tỳ-kheo, sau khi đến nước Bạt-kỳ, thành Tỳ-xá-ly, liền an trú tại một Tinh xá có lầu gác trong rừng rậm.

Bấy giờ tại thành Tỳ-xá-ly, dân chúng đói khổ, ngũ cốc thiếu thốn, xương trắng đầy đường, khát thực khó khăn. Tại thành Tỳ-xá-ly này có một người con trai của trưởng giả tên Da-xá, có lòng tin, bỏ nhà xuất gia. Vì thân phụ ông tên Ca-lan-đà, nên các người tu hành đều gọi ông là Ca-lan-đà con.

Lúc ấy bị mất mùa, khát thực khó khăn, nên mỗi khi đến giờ ăn, ông thường về nhà thọ trai. Người mẹ nói với Da-xá: “Này con, con thật quá khổ, cạo bỏ râu tóc, khoác mặc áo xấu, cầm bát đi xin ăn, bị người đời chê cười. Ngày nay trong nhà ta còn tài sản rất nhiều, tiền của cha mẹ con và những của báu của tổ tiên, nay giao hết cho con, con muốn làm gì thì làm. Hơn nữa người vợ yêu của con nay vẫn còn đó, đang cùng sống với gia đình, vậy mà con phải cam chịu những lao khổ như thế làm gì! Con nên về nhà hưởng thú vui của năm dục, tha hồ bố thí cúng dường Tam bảo gieo trồng các công đức”.

Da-xá thưa với mẹ: “Xin mẹ hãy thôi đi, con chỉ thích tu phạm hạnh mà thôi”. Mẹ ông lại khuyên đến lần thứ hai thứ ba như lần đầu, và Da-xá cũng trả lời như trước. Người mẹ lại bảo một lần nữa: “Nếu con không thích sống ở nhà thì phải lưu lại giòng giống của nhà ta để

nổi dãi tông đường, dừng để cho nhà cửa bị tuyệt diệt, của cải bị sung công”.

Da-xá thưa với mẹ: “Nếu mẹ muốn con lưu lại giòng giống thì con xin vâng lời”.

Mẹ ông rất hoan hỷ, lập tức vào phòng vợ ông, nói với người vợ mới cưới ấy: “Con hãy sửa soạn gấp, mặc những y phục gì mà trước kia Da-xá thích nhất để ra gặp nó”.

Người vợ đáp: “Xin vâng”, liền trang điểm như mẹ chồng dạy.

Bấy giờ, Da-xá cùng với vợ mình giao hoan, như người thế tục. Người vợ liền thọ thai, đủ tháng bèn sinh con. Gia đình cùng bàn bạc: “Trước kia nhân xin để lại giòng giống, vì thế, giờ đây nên đặt tên đứa bé là Tục Chủng. Bởi vậy, người đời bấy giờ đều gọi nó là Tục Chủng, người cha cũng gọi Tục Chủng, mẹ cũng gọi Tục Chủng, tổ tiên Tục Chủng kể cả tiền của cũng đều gọi là Tục Chủng. Vì thế mà tiếng xấu truyền đi khắp, kẻ đạo người tục đều nghe tiếng.

Khi ấy, Da-xá nghe tiếng xấu loan truyền con mình là Tục Chủng nên rất hổ thẹn về những điều nghe được, liền suy nghĩ: “Trong các Sa-môn dòng họ Thích chưa từng nghe việc như thế bao giờ. Điều đó đúng pháp hay phi pháp. Nay ta nên đem việc này thưa rõ với Tôn giả Xá-lợi-phất, để Xá-lợi-phất đem việc này bạch đầy đủ lên Thế Tôn, tùy Thế Tôn dạy như thế nào, ta sẽ phụng hành”. Thế rồi, Da-xá lập tức đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, nói rõ việc trên.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền cùng với Da-xá đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên. Ngồi xong, Tôn giả Xá-lợi-phất đem việc trên thưa đầy đủ với Thế Tôn.

Bấy giờ, Phật hỏi Da-xá: “Ông quả thật có làm việc ấy chăng?”.

Da-xá đáp: “Thật có! Bạch Thế Tôn”.

Phật nói: “Thế là Da-xá đã phạm lỗi nặng. Trong các Tỳ-kheo tăng chưa có việc ấy. Ông là kẻ ngu si, đầu tiên mở cánh cửa phạm trọng tội, chưa có lậu hoặc mà khởi lên lậu hoặc. Thiên ma Ba-tuần thường tìm đến chỗ yếu kém của Tỳ-kheo mà chưa có cơ hội. Nay ông là người đầu tiên mở ra con đường ngăn của ma ác. Nay ông đã phá hủy cây cờ chánh pháp mà dựng lên cây cờ của ma Ba-tuần. Ông là kẻ ngu si, thà dùng dao bén cắt đứt thân sinh (dương vật), hoặc là để vào trong miệng rắn độc, hoặc để trong miệng chó dại, hoặc để trên ngọn lửa dữ, hoặc để trên lò than hồng, chớ không nên cùng giao hoan với phụ nữ. Nay Da-xá! Ông không từng nghe Ta dùng vô số phương tiện để chê trách sự dâm dục hay sao? Nào là dục tức say mê, dục là lửa dữ đốt hết

gốc thiện của người, dục là họa lớn. Ta lại dùng vô số phương tiện ca ngợi ly dục, đoạn dục, vượt qua dục. Nay vì sao ông làm điều bất thiện như thế hỡi Da-xá? Điều đó là phi pháp, phi luật, chẳng phải lời Phật dạy, không thể dùng nó để nuôi lớn pháp thiện”.

Khi ấy, các Tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Vì sao trong chúng Tăng chưa có lậu hoặc mà Tỳ-kheo Da-xá này lại khởi lên lậu hoặc, đầu tiên mở ra cửa tội lỗi?”.

Phật dạy các Tỳ-kheo: “Người này không phải chỉ có ngày nay, trong lúc giáo pháp của Ta chưa có lậu hoặc mà khởi lên lậu hoặc đâu”.

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Trong quá khứ ông ta đã từng có việc như thế chẳng?”.

Phật bảo: “Đúng thế”.

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Chúng con mong được nghe”.

Phật nói với các Tỳ-kheo: “Trong thời quá khứ, lúc thế giới này đã đến giai đoạn kết thúc, các chúng sinh đều lên cõi trời Quang Âm, nên quả đất này được hình thành. Rồi các chúng sinh từ cõi trời Quang Âm trở lại cõi này. Lúc đó, thân của các chúng sinh ấy đều có ánh sáng đẹp, có thần túc tự tại, lấy niềm vui thiên định làm thức ăn, các vật cần thiết (muốn chi có nấy). Ánh sáng của các chúng sinh ấy chiếu qua lẫn nhau, không có mặt trời, mặt trăng, tinh tú, cũng không có ngày đêm, cũng không tính một tháng, nửa tháng. hay một năm bốn mùa gì hết. Khi ấy, quả đất này, chất đất tự nhiên có mùi vị, màu sắc, hương thơm, ngọt ngon đủ cả, chẳng khác gì vị cam lồ trên cõi trời. Bấy giờ, có một chúng sinh khinh suất, thô tháo, ham muốn, liền nếm thử vị đất, thấy có mùi thơm, dần dần lấy dùng, liền sinh tâm tham đắm. Các chúng sinh khác thấy việc như thế, lần hồi bắt chước, tranh nhau lấy ăn. Lúc chúng sinh ăn vị đất rồi, thân thể nặng nề, ánh sáng liền mất, say đắm năm dục, mất hết thần túc, vì thế mà thế giới có mặt trời, mặt trăng, tinh tú, tối sáng, nửa tháng, một tháng, Xuân, Hạ, Thu, Đông”.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo: “Chúng sinh khinh suất, thô tháo ấy chẳng ai xa lạ, mà chính là Tỳ-kheo Da-xá đó. Thời ấy chúng sinh chưa có lậu hoặc mà Da-xá khởi lên lậu hoặc đầu tiên. Ngày nay lại ở trong Tăng chúng thanh tịnh mà đầu tiên mở cửa lậu hoặc”.

Các Tỳ-kheo liền bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Da-xá này từ trước đến nay đều như thế sao? Vì lẽ gì mẹ ông lại khéo bày phương tiện, dùng sự dâm dục để dụ dỗ, lừa dối con mình?”.

Phật bảo với các Tỳ-kheo: “Không những ngày nay mẹ Da-xá khéo bày phương tiện để dụ dỗ lừa dối con mình, mà trong quá khứ cũng đã dụ dỗ, lừa dối”.

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Đã từng có như thế sao?”.

Phật nói: “Đúng thế”.

Các Tỳ-kheo liền bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Chúng con muốn được nghe”.

Phật bảo với các Tỳ-kheo: “Vào thời quá khứ có một kinh thành tên Ba-la-nại, nước tên Ca-thi. Bấy giờ, có Vua hiệu là Đại Danh Xưng, xa lìa mọi oán thù, hành bố thí, giữ giới, yêu thương người vật, dùng chánh pháp cai trị, khéo thâm phục quyến thuộc. Một hôm, đệ nhất phu nhân của Vua vào lúc sáng sớm, lên lầu cao để xem tinh tú, bỗng thấy một con nai chúa sắc vàng, từ phương Nam đi qua trên hư không và đi xuống phương Bắc. Phu nhân thấy rồi, liền suy nghĩ: “Nếu ta được tắm da của con nai vàng này dùng làm nệm thì không còn gì ân hận nữa, nhục bằng không được thì còn làm đệ nhất phu nhân làm chi?”. Liền tự nhủ, nếu ta nói với người khác là thấy một con nai chúa sắc vàng thì ai mà tin được. Lại nghĩ như sau: “Nếu bảo là nai thì không thể đi trên hư không; còn nếu bảo đi trên hư không thì không thể nói là nai”. Thế rồi, phu nhân buồn rầu, sợ không ai tin, liền cởi bỏ ngọc anh lạc, mặc y phục xấu xí đi vào phòng ưu sầu.

Bấy giờ, Vua giải quyết xong công việc triều chính, liền từ cung điện trở về phòng riêng, không thấy đệ nhất phu nhân, liền hỏi người hầu, người hầu đáp: “Phu nhân vừa mới vào nghỉ trong phòng Ưu não”. Vua liền đến đó, hỏi phu nhân: “Ai xúc phạm ái khanh thế? Đại thần hay vương tử? Hay các phu nhân và kẻ hầu nào khác? Nếu kẻ nào xúc phạm ái khanh, trẫm sẽ vì ái khanh mà nghiêm trị họ. Nay khanh còn cần thứ gì nữa không? Nếu thích vàng bạc, châu báu hương hoa anh lạc, trẫm sẽ cung cấp; hoặc muốn trừng phạt ai thì hãy nói”. Vua hỏi đủ điều như thế, nhưng phu nhân không trả lời. Vua liền đi ra nói với các phu nhân khác, kể cả Đại thần, thái tử và mọi người: “Các khanh hãy đến hỏi xem ý phu nhân thế nào”. Mọi người vâng lời, cùng đến hỏi phu nhân đủ điều, nhưng phu nhân vẫn im lặng không trả lời. Vua bèn sai người hầu gái kỳ cựu đến hỏi phu nhân một lần nữa. Vì người hầu này sinh trưởng trong cung Vua, có nhiều kinh nghiệm liền đi vào phòng hỏi phu nhân: “Vua là chỗ nương tựa của phu nhân mà sao Vua hỏi phu nhân lại im lặng không đáp? Nếu phu nhân có yêu cầu điều chi

thì có lý do gì mà không được. Ai xúc phạm phu nhân? Đại thần, vương tử hay các phu nhân khác? Nếu phu nhân muốn trừng trị kẻ nào hãy tâu với Đại vương, chứ phu nhân im lặng, oán hận, chẳng thiệt thòi lắm sao? Nếu phu nhân rủi có chết, thì Đại vương cũng không thể chết theo, mà âu sầu là cùng. Trong những ngày tháng ấy, trong nước sẽ có các vị Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, những ai có con gái đẹp, đoan trang (ấy sẽ đem đến dâng Vua), Vua sẽ cùng họ thọ hưởng hoan lạc, liền quên hết ưu sầu. Rốt cuộc, phu nhân sẽ chết vô ích mà thôi. Nếu phu nhân không nói, có khác nào người cầm nằm mộng trong lúc ngủ, ai mà thấy được”.

Lúc ấy, phu nhân nghe lời nói của đám thanh y (người hầu), liền tự suy nghĩ: “Đây quả là lời nói chí lý”, liền nói với đám thanh y: “Không ai xúc phạm ta cả. Ta nhớ một chuyện mà khó nói quá, các người hãy nghe ta nói: Một buổi sáng sớm gần đây, ta lên lầu xem tinh tú, khi ấy ta thấy một con nai chúa sắc vàng, từ phương Nam đi đến trên hư không sang phương Bắc. Nếu ta bảo với kẻ khác con nai đi trên hư không thì ai tin. Ta muốn được tấm da của nó để làm nệm mà không được, do thế mà ưu sầu tự nghĩ: Làm phu nhân của Vua mà làm gì!”.

Nghe xong những lời ấy, các thanh y liền đến tâu với nhà Vua. Vua biết được ý của phu nhân nên rất đổi vui mừng, liền hỏi những kẻ bề tôi bên cạnh: “Ai có thể lấy được tấm da của con nai vàng ấy? Nay ta cần nó để dùng làm tấm nệm”. Các quan đáp: “Đại vương nên hỏi các thợ săn”. Vua liền bảo các quan hãy truyền lệnh cho tất cả thợ săn trong nước ta phải tập trung hết về đây, như lời kệ:

*Chư Thiên tùy niệm cảm
Vua chúa ban lệnh truyền
Người giàu cậy của cải
Kẻ nghèo cậy sức lực.*

Sau khi lệnh Vua ban truyền như thế, tất cả thợ săn trong nước đều tập trung về hết, rồi tâu với Vua: “Chẳng hay Đại vương truyền dạy điều chi?”. Vua bảo các thợ săn: “Nay ta đang cần gấp tấm da của con nai vàng để làm chiếc nệm, các Khanh hãy vì ta mà gấp rút tìm kiếm nó”. Các thợ săn liền tâu Vua: “Xin Đại vương hãy cho chúng thần về trong ít lâu để chúng thần cùng bàn việc này”. Vua nói: “Trẫm chấp thuận”. Đoạn các thợ săn trở về cùng nhau bàn bạc: “Các vị săn bắn lâu nay có ai đã từng nghe thấy con nai sắc vàng chưa nhỉ?”. Họ trả lời nhau: “Tổ tiên của chúng tôi từ xưa đến nay thường đi săn bắn, mà chưa từng nghe tên con nai sắc vàng, chứ đừng nói là chính mắt trông thấy”.

Thế rồi các thợ săn cùng nhau lập ước: “Nay chúng ta đến trả lời Đại vương, đừng để có những ý kiến bất đồng”. Do vậy, khi đến yết kiến Vua, mỗi người đều tâu: “Tổ tiên chúng tôi từ xưa đến nay kế thừa nghề săn bắn, mà chưa từng nghe ai nói đến tên con nai sặc vàng, chứ đừng nói chính mắt thấy nó”. Rồi nói kệ:

*Vua có quyền tự do
Cầu muốn chi được nấy.*

Vua bèn ra lệnh quan Hữu ty bắt các thợ săn giam vào ngục.

Khi ấy, có một thợ săn tên là San-xà, sức lực mạnh mẽ, đuổi kịp loài thú, khi bắn chim bay, bách phát bách trúng. Y suy nghĩ: Đám thợ săn chúng ta vô tội mà bị giam trong ngục, ta phải nghĩ kế gì để thoát khỏi nỗi khổ này. Vậy ta phải tâu Vua, xin Vua cho đi tìm nai. Nếu tìm được thì tốt, bằng không tìm được ta sẽ giải thoát các bạn bè ra khỏi nhà giam. Nghĩ thế, y liền tâu với Vua: “Tâu Đại vương, đã có người nào nghe hay thấy con nai sặc vàng chưa?”.

Vua nói với người thợ săn: “Người có thể đến hỏi phu nhân”. Đoạn, người thợ săn liền đến vương cung hỏi phu nhân: “Thưa phu nhân! Đã có ai thấy hay nghe con nai sặc vàng chăng?”.

Phu nhân đáp: “Chính ta đích thân thấy nó”.

Người thợ săn hỏi: “Thấy nó ở đâu?”

Phu nhân đáp: “Vào lúc tờ mờ sáng, ta lên lầu xem tinh tú, bỗng thấy một con nai chúa sặc vàng từ phương Nam, đi qua trên hư không rồi xuống phía Bắc”.

Người thợ săn này vốn lành nghề xem tướng cầm thú, nên biết con nai vàng chúa ấy hiện cư trú ở phương Nam, nhưng đi kiếm ăn phương Bắc. Nơi nó cư trú hoàn toàn không thể biết được, phải đến chỗ nó kiếm ăn tìm cách bắt nó mà thôi. Thế rồi, người thợ săn cầm lấy cung tên, đi lên về phương Bắc, đến Tuyết Sơn.

Bấy giờ, trong núi ấy có một vị Tiên nhân cư trú, xung quanh nơi ấy có suối chảy, ao hồ và hoa trái sum suê. Ở đây vị Tiên nhân áp dụng hai phương pháp để trừ lòng tham dục: Một là khổ hạnh. Hai là nhàn cư.

Lúc này, người thợ săn giấu các dụng cụ săn bắn, ăn mặc giả người thường, đến chỗ vị Tiên nhân, lễ bái thưa hỏi. Vị Tiên nhân này ở trong hốc núi lâu ngày, ít khi gặp ai, nên lúc thợ săn đến thăm, rất đổi vui mừng, bèn mời ngồi, rồi đem quả ngon, nước ngọt ra thiết đãi ân cần. Người thợ săn liền nói: “Tôn giả ở nơi này đã lâu hay mới đây?”.

Tiên nhân đáp: “Từ lúc đến đây tới nay đã trải qua thời gian như

thế...”.

Thợ săn lại hỏi Tiên nhân: “Từ ngày Tôn giả đến đây tới nay đã từng thấy có việc gì khác thường chăng?”.

Tiên nhân đáp: “Đã từng thấy”.

Thợ săn lại hỏi: “Thế, Tôn giả thấy chuyện gì?”.

Tiên nhân đáp: “Ở phía nam núi này có một cây Ni-câu-luật, thường có một con nai chúa sắc vàng, bay đến trên cây, ăn lá cây ấy no nê rồi bay đi”.

Người thợ săn nghe thế, rất đổi vui mừng, liền suy nghĩ: “Chắc có lẽ đó là con nai chúa sắc vàng mà phu nhân đã thấy. Ngày nay ta được nghe việc này, thế là nguyện vọng ta sắp thành tựu rồi, bèn nói giả lả sang chuyện khác, chợt hỏi: “Đường đến cây Ni-câu-luật ở hướng nào?”.

Tiên nhân liền trả lời: “Từ đây ra đi, ở khoảng giữa có đoạn đường cong v.v...” đầu đó nói rõ ràng.

Chàng thợ săn nghe xong, vui mừng, chúc lành rồi ra đi, trở về chỗ cất dụng cụ săn bắn, cầm lấy, rồi thẳng đường đi tới đó. Từ xa, anh trông thấy cây ấy cành lá thưa thớt, nhưng bóng râm che khuất khá rộng. Anh ta đến bên cây, tìm kiếm nai chúa, nhưng không thấy tung tích và chỗ ăn của nó đâu cả. Anh liền ngồi núp dưới cây, lặng lẽ theo dõi. Theo dõi không lâu, anh bỗng thấy con nai chúa giống như con nhạn chúa, từ hư không bay đến, đậu lên trên cây, màu sắc ngời sáng, chiếu rõ hang núi, ăn lá no nê, rồi về phương Nam. Đoạn anh suy nghĩ: “Cây này cao vút, không thể dùng lưới bủa hay cung tên bắn tới được, biết làm thế nào để bắt nó? Nay ta hãy trở về thành Ba-la-nại, nơi đây có nhiều vị Đại thần, vương tử thông minh, trí tuệ, ta hãy vấn kế họ”.

Thế rồi, anh trở lại cung đình, tâu với nhà Vua: “Tâu Đại vương! Đúng như phu nhân thấy, nhưng chỗ con nai trú, không thể dùng lưới bủa hay cung tên bắn tới, không có cách nào bắt được nó”.

Vua bảo người thợ săn: “Người hãy đến thưa rõ với phu nhân”.

Thợ săn liền đến thưa phu nhân: “Tôi đã thấy con nai chúa sắc vàng, nhưng không thể dùng lưới bủa hay cung tên bắn tới, không biết làm sao để bắt được nó”.

Phu nhân hỏi: “Chỗ ở của con nai ấy tại nơi nào?”.

Đáp: “Nó ở trên cây Ni-câu-luật, ăn lá cây no, rồi trở về phương Nam”. Liền nói kệ:

Sát-lợi trăm phương tiện

Bà-la-môn gấp bội

*Vua có ngàn mưu kế
Phụ nữ kế vô lượng.*

Phu nhân của Vua có nhiều mưu kế như thế nên bảo thợ săn: “Người mang mật đến cây ấy, rồi leo lên bôi vào lá cây. Con nai nghe mùi thơm của mật, sẽ ăn lá cây, ăn hết chỗ ấy, người sẽ bôi lần đến chỗ bủa lưới”.

Thợ săn theo lời chỉ bảo, vào lại trong núi, mang mật lên cây, bôi vào lá cây. Con nai ấy bay đến, cứ theo lá cây có mật mà ăn, chỗ nào không có mật bôi thì nai không ăn, chỗ nào có mật thì lần lượt ăn tới, như kệ nói:

*Thú rừng tin mũi mình
Phạm chí tin sách tướng
Vua chúa cây hữu ty
Ai có niềm tin ấy.*

Con nai ấy cứ theo mùi thơm mà ăn lá cây, lần lần xuống đến chỗ giăng lưới. Thợ săn suy nghĩ: “Nếu ta giết nó lấy da thì chưa thật là quý, ta phải bắt sống đem về mới được”. Thế rồi, thợ săn bắt nai nhốt vào cũi, đem đi ngang qua chỗ của vị Tiên nhân. Vị Tiên nhân từ xa trông thấy, thất kinh than: “Ôi, tai họa thảm khốc! Dù có thể bay trên hư không mà không thể thoát khỏi tay kẻ ác này”. Liên hỏi tên thợ săn ác độc: “Ông dùng nó để làm gì?”.

Thợ săn đáp: “Vị đệ nhất phu nhân của nước Ca-thi cần da để làm một tấm nệm”.

Tiên nhân lại hỏi: “Con nai này sau khi chết màu sắc như thế nào ông có biết không? Vì bên trong còn sinh khí nên màu sắc của nó mới như thế, bắt sống nó đem về ông mới được thưởng”.

Lại hỏi tiếp: “Ông dùng phương pháp nào mà bắt được nó?”.

Thợ săn đáp: “Tôi dùng phương pháp như thế mà bắt được nó”.

Bấy giờ, Tiên nhân tự lấy làm mừng vì mình đã khéo sống ẩn dật, nên mới không phạm những điều ác đó, nghĩ thương phu nhân đã sử dụng phương tiện ác độc và đau xót cho con nai chúa vì tham mùi vị mà bị khốn khổ. Thế rồi, Tiên nhân đọc bài kệ:

*Ác nhất trên đời này
Không gì hơn tham vị
Nó mê hoặc phạm phu.
Và dã thú trong rừng.
Do tham trước hương vị
Mà phải chịu khổ não.*

Lúc ấy, thợ săn hỏi Tiên nhân: “Tôi phải dùng phương tiện gì để nuôi dưỡng con nai này hầu đem về đến trong nước mà vẫn còn sống?”.

Tiên nhân đáp: “Lấy mật bôi lên lá cây dùng để nuôi nó, và khi về đến kinh thành, lấy mật hòa với lương khô mà nuôi dưỡng nó”. Đoạn thợ săn lần hồi đi ngang qua nhân gian mà trở về nước. Con nai này thân hình thon thả dung sắc như vàng ròng, sừng trắng như ngọc, mắt màu da cam, tất cả những người trông thấy, không ai không cho là tuyệt đẹp.

Khi thợ săn đem nai về gần đến thành Ba-la-nại, Vua nghe nai đã về, liền ra lệnh trong thành sửa sang đường sá, quét dọn, đốt hương, động chuông, đánh trống để đón tiếp nai chúa. Người đi xem đông như mây tụ, không ai là không hoan hỷ, chúc mừng nhà Vua đã được điềm lành từ phương xa đến. Lúc phu nhân trông thấy vui mừng khắp khởi, không thể kìm chế được, liền tới ôm choàng lấy nai chúa. Cũng vì trước đây tâm của phu nhân yêu thích, tham đắm quá nặng, nên sắc vàng của nai chúa biến mất. Vua nói với phu nhân: “Sắc vàng của nai chúa bỗng nhiên biến mất, biết làm sao đây?”.

Phu nhân trả lời nhà Vua: “Con nai này giờ đây trở thành vật vô dụng, vậy nên thả nó đi”.

Bấy giờ, Phật nói với các Tỳ-kheo: “Con nai chúa sắc vàng thuở ấy đâu phải ai khác, chính là Tỳ-kheo Da-xá ngày nay, và phu nhân trước kia là mẹ của Da-xá hôm nay. Từ xưa đến nay bà đã dùng nhiều phương tiện để quyến rũ con mình khiến sinh ra tham đắm, phải chịu nhiều khổ não”. Rồi Phật bảo các Tỳ-kheo: “Những Tỳ-kheo nào cư trú tại thành Tỳ-xá-ly hãy bảo họ tập trung về cả đây”.

Khi đó, Thế Tôn nhân sự việc ấy hướng đến các Tỳ-kheo nói rộng những nhân duyên khiến sinh ra các lỗi lầm, khiển trách những người đã tạo ra lỗi lầm, rồi tùy thuận thuyết pháp cho các Tỳ-kheo.

Thế Tôn dạy: “Vì mười việc lợi ích mà Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri chế giới cho các đệ tử, quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa. Về mười việc lợi ích như trên kia đã nói rõ. Vì lẽ đó mà Như Lai từ nay trở đi phải chế giới cho các Tỳ-kheo, để cho những ai chưa nghe, khiến được nghe, những ai nghe rồi nên nghe lại:

- Nếu Tỳ-kheo nào đã thọ giới giữa chúng Tăng hòa hợp mà hành dâm, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung (với chúng Tăng).

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly (nói rộng như trên), lúc ấy tại thành Tỳ-xá-ly có hai người con giòng họ Ly-xa, thuộc gia

đình có niềm tin, bỏ nhà xuất gia. Vì ở thành Tỳ-xá-ly này ai cũng biết các ông, nên được cúng dường bốn thứ đầy đủ. Khi đến giờ khất thực, các Tỳ-kheo này khoác y cầm bát vào xóm làng trong thành khất thực, vì không thấu phục thân, miệng, ý, không giữ niệm hiện tiền và không thấu phục các căn, nên tâm ý tán loạn, nhiễm đắm sắc dục, cho sắc dục là sạch sẽ, lòng dục mãnh liệt, liền suy nghĩ: “Ta mặc pháp phục mà hành dục thì thật là bất tiện. Ta phải cởi bỏ pháp phục, mặc áo thế tục, không trở về Tăng chúng trong vòng bảy ngày, để tự do hành động”. Suy nghĩ thế rồi hai thầy cởi bỏ cà-sa, mặc áo thế tục và hành dâm thỏa mãn. Qua hết bảy ngày, hai thầy mặc lại pháp phục, về với Tăng chúng. Sau khi về sống với Tăng chúng hai thầy tự thấy nhờm tởm về những việc mình đã làm, bèn suy nghĩ: “Thật chưa từng nghe thấy một vị Sa-môn nào lại làm một việc như thế. Nay ta hãy đem việc này thưa với Tôn giả Xá-lợi-phất, nhờ Xá-lợi-phất đi đến Thế Tôn trình bày đầy đủ sự việc ấy. Nếu Phật có dạy điều chi thì ta hãy phụng hành”.

Thế rồi hai Tỳ-kheo đi đến Tôn giả Xá-lợi-phất trình bày đầy đủ như trên. Đoạn Tôn giả Xá-lợi-phất dẫn hai Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem sự việc kể trên bạch rõ với Thế Tôn.

Phật bảo Xá-lợi-phất: “Phải bảo họ rời khỏi đây, đó là những kẻ ngu si, không được xuất gia thọ giới Cụ túc trong giáo pháp của Như Lai nữa”.

Nhưng Xá-lợi-phất vì lòng thương xót, trích vai áo phải, quỳ gối chấp tay, bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Trong vị lai có những thiện nam, có lòng tin giáo pháp Thế Tôn, bỏ nhà xuất gia, nhưng vì tâm ý mê muội, điên đảo, khởi lên tưởng tịnh (cho sắc đẹp là sạch sẽ), do ba nghiệp quá mạnh đến nỗi không biết hổ thẹn. Kính xin Thế Tôn mở ra phương tiện để cho các thiện nam ấy được xuất gia thọ giới Cụ túc lại trong giáo pháp của Đức Như Lai”.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: “Hãy gọi các Tỳ-kheo đang cư trú tại thành Tỳ-xá-ly tập trung cả về đây. Ta sẽ chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

- Nếu Tỳ-kheo nào đã thọ giới Cụ túc giữa chư Tăng hòa hợp, trong khi chưa xả giới mà hành dâm, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được cộng trú.

Lại một trường hợp nữa xảy ra trong lúc Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly (nói rộng như trên). Khi ấy, các Tỳ-kheo an cư tại nhiều nơi, an cư xong, đi về Tỳ-xá-ly, đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ, thăm hỏi. Thăm

hỏi xong, theo thứ tự nhận phòng an trú, phòng hết không đủ chỗ, nên có người phải tạm trú nơi hành lang của những thảo am bên gốc cây ở giữa đám đất trống. Lúc ấy có một Tỳ-kheo đang ngồi bên gốc cây suy nghĩ như sau: “Xuất gia theo Phật giáo thật là quá khổ, tu phạm hạnh cũng quá khó khăn, ban ngày thì gió táp, nắng thiêu, ban đêm thì bị rắn độc, muỗi mòng cắn đốt. Tu phạm hạnh trong giáo lý Đức Phật thật sự ta không kham nổi”. Khi vị Tỳ-kheo ấy bụng nghĩ, miệng nói như thế, thì các Tỳ-kheo khác nghe được, họ liền hỏi thầy: “Thầy định xả giới sao?”.

Vị ấy đáp: “Không xả giới. Tôi chỉ nghĩ thế, vì sợ mình không kham nổi tu phạm hạnh trong giáo pháp của Đức Như Lai mà thôi”.

Các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên (sự kiện) ấy đến bạch với Thế Tôn Tỳ-kheo kia định xả giới.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: “Gọi thầy Tỳ-kheo kia đến đây”.

Khi vị ấy đến, Phật hỏi: “Ông xả giới thật sao?”.

Thầy đáp: “Bạch Thế Tôn! Không xả”.

Phật hỏi: “Vì nhân duyên gì mà đến như thế?”

Thầy đáp: “Bạch Thế Tôn! Con ngồi bên gốc cây, lòng nghĩ, miệng nói: Bỏ nhà xuất gia, sống trong giáo pháp của Phật thật quá cực khổ, ta không kham nổi tu phạm hạnh trong giáo pháp của Phật”.

Phật nói với Tỳ-kheo ấy: “Vì sao ông đã có niềm tin, bỏ nhà xuất gia, sống trong giáo pháp của Như Lai mà lại nghĩ ta không đủ gắng nhẫn tu phạm hạnh trong giáo pháp của Như Lai?”.

Đoạn Phật nói với các Tỳ-kheo: “Thầy Tỳ-kheo ấy không phải là xả giới, đó gọi là giới sút kém; thầy chỉ nói lên những lời nói về giới sút kém của mình, thế nên, phạm tội Thâu-lan-giá”.

Thế rồi Phật bảo các Tỳ-kheo: “Gọi tất cả Tỳ-kheo cư trú tại thành Tỳ-xá-ly khiến họ tập trung hết về đây, những ai chưa nghe thì phải nghe, ai nghe rồi thì nên nghe lại:

- Nếu Tỳ-kheo nào đã thọ giới Cụ túc giữa chúng Tăng hòa hợp, chưa trả giới, giới sút kém, không xả giới mà hành dâm, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được cộng trú.

Lại một trường hợp khác khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Khi ấy, tại thành Xá-vệ có một trưởng giả tên Nan-đề, thuộc gia đình có tín tâm, bỏ nhà xuất gia; vì ở đây ai cũng biết ông, nên được cúng dường bốn thứ đầy đủ. Có nhiều vị khác cũng tên Nan-đề, nhưng chỉ có Trưởng lão Nan-đề này thì khi đi cũng thiئن, khi đứng cũng thiئن, khi

ngồi cũng thiền và khi nằm cũng thiền. Cho nên người thời ấy gọi thầy là Thiền Nan-đề.

Lúc này, Nan-đề cắt một thảo am trong rừng Khai Nhân dùng để tu tập. Vào đầu đêm, giữa đêm và cuối đêm, thầy đều lấy hạnh tu tập làm sự nghiệp, nên được thiền định của thế tục, như vậy trải được bảy năm. Nhưng sau bảy năm, thầy thối thất (mất) thiền định, nên thường nương tựa bên một cội cây để tu tập, mong tìm lại thiền định đã mất.

Khi ấy, họ hàng nhà ma thường dùng phương tiện rình rập, tìm chỗ sơ hở của những người tu theo chánh pháp, mới biến thành hình người đoan chánh không gì sánh bằng, dùng đủ thứ hương hoa, anh lạc trang điểm thân mình, đến trước Nan-đề, gọi thầy, nói: “Này Tỳ-kheo, hãy đến đây, cùng ta giao hoan”.

Nan-đề lập tức nói: “Loài tà ác, cúc nhanh! Loài tà ác, cúc nhanh!”. Miệng thầy nói, nhưng mắt không nhìn đến.

Thiền nữ lại nói như trên đến lần thứ hai, thứ ba, và Nan-đề cũng đáp lại hai Ba lần: “Loài tà ác, cúc nhanh! Loài tà ác, cúc nhanh!”, mà không nhìn đến. Lúc này, Thiền nữ bèn cởi bỏ anh lạc, để lộ thân thể, đứng trước Nan-đề, nói với thầy: “Nào, chúng ta cùng nhau hành dâm”.

Khi ấy, Nan-đề nhìn thấy thân thể Thiền nữ, lòng dục phát sinh, liền đáp: “Được thôi”. Đoạn Thiền nữ từ từ đi lui. Nan-đề gọi theo: “Người hãy dừng lại một tí, để chúng ta cùng nhau giao hoan”. Nan-đề đi tới, thì Thiền nữ rảo bước nhanh hơn. Nan-đề đuổi theo đến bên hào Kỳ-hoàn. Trong hào ấy có một xác chết của con ngựa nhà Vua. Thiền nữ đến bên xác ngựa liền ẩn hình không hiện nữa. Khi ấy, Nan-đề vì lòng dục khởi lên quá mạnh, liền hành dâm với xác ngựa, đến lúc lòng dục lắng xuống, liền suy nghĩ: “Ta đã làm một việc rất tệ hại, không phải là pháp của Sa-môn, ta vì lòng tin xuất gia, mà nay phạm tội Ba-la-di thì còn mặc pháp phục, thọ dụng của tín thí làm chi nữa”. Đoạn thầy cởi pháp phục vắt lên tay phải, tay trái che thân, đi đến Kỳ-hoàn, nói với các Tỳ-kheo: “Thưa các Trưởng lão, tôi phạm Ba-la-di, tôi phạm Ba-la-di”.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đang đi kinh hành chậm rãi trước sân Kỳ-hoàn, suy nghĩ về nghiệp của mình, bèn bảo nhau: “Đó là thầy tọa thiền Nan-đề, người tu phạm hạnh, không phải phạm Ba-la-di”.

Nan-đề lại nói: “Thưa các Trưởng lão, không phải thế, tôi phạm Ba-la-di thật mà”.

Các Tỳ-kheo liền hỏi do nguyên nhân gì mà phạm. Nan-đề bèn

trình bày đầy đủ sự việc như trên.

Các Tỳ-kheo liền đem việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: “Chính thiện nam Nan-đề tự nói mình phạm trọng tội, nên phải đuổi đi”.

Đoạn các Tỳ-kheo theo lời Phật dạy, đuổi Nan-đề đi, rồi bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Vì sao Trưởng lão Nan-đề tu phạm hạnh đã lâu mà còn bị cô thiếu nữ ấy mê hoặc?”.

Phật bảo các Tỳ-kheo: “Không phải ngày nay Tỳ-kheo Nan-đề mới bị Thiên nữ mê hoặc khiến cho thối thất phạm hạnh mà trong quá khứ cũng bị Thiên nữ ấy mê hoặc làm cho mất phạm hạnh”.

Các Tỳ-kheo lại bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Đã từng có như thế sao?”.

Phật nói: “Đúng thế!”.

Rồi bảo với các Tỳ-kheo: “Trong thời quá khứ, có một thành tên Ba-la-nại, nước tên Ca-thi. Bấy giờ, tại nước A-bàn-đề ở phương Nam có người ngoại đạo xuất gia, thuộc giòng họ Ca-diếp, thông minh, học rộng, lão luyện đối với các điển tịch, tinh xảo mọi nghệ thuật, không gì là không am tường. Vị ngoại đạo ấy giúp Vua trị nước. Khi Vua nước ấy dùng các hình phạt để trị tội bọn gian tặc như: Chặt tay, chân, xẻo tai mũi, rất là đau đớn. Bấy giờ, vị ngoại đạo ấy trầm ngâm suy nghĩ: “Ta đã xuất gia, tại sao lại cùng với nhà Vua tham dự việc này?”. Liền tâu với Vua: “Xin Đại vương cho tôi xuất gia”. Vua liền đáp: “Thầy đã xuất gia rồi, vì sao còn xin xuất gia nữa?”.

Vị ấy nói: “Tâu Đại vương! Tôi nay tham dự vào các loại hình phạt làm khổ não chúng sinh thế này thì sao gọi là xuất gia?”.

Vua liền hỏi: “Nay thầy muốn xuất gia theo đạo nào?”.

Vị ấy đáp: “Tâu Đại vương! Tôi muốn xuất gia để học đạo tiên”.

Vua nói: “Được, tùy ý thầy”.

Bấy giờ, cách thành Ba-la-nại không xa, có một dãy núi hàng trăm ngọn, trong đó có suối chảy, hồ nước, hoa quả sum sê, ông liền vào núi ấy, cất một tinh xá, rồi tu tập theo pháp môn ngoại đạo, đạt được thiên định thế tục, và đắc ngũ thần thông. Vào tiết tháng tư, ông ăn các quả dưa, do bốn đại không thích hợp, nên lúc đi tiểu, tinh khí theo ra. Lúc ấy có đàn nai đang sống từng bầy, thường đi theo nhau, nhân khát nước đi tìm nước uống, một con đã uống nhầm nước tiểu ấy khiến chất bất tịnh (tinh khí) thấm vào miệng rồi theo đường sinh dục vào trong tử cung - quả báo của chúng sinh khó mà nghĩ nổi - do đó mà thụ thứ hai. Con nai ấy thường ăn cỏ, uống nước bên triền núi, đến khi đủ tháng, tới ngày

sinh nở, gặp lúc vị Tiên nhân đi hái quả. Nhân vì sinh con khó nên con nai kêu la bi thiết, vị Tiên nhân ngỡ là nai bị thú dữ làm hại, nên đến cứu, liền thấy nó sinh một em bé trai.

Tiên nhân thấy thế, lấy làm quái lạ, liền suy nghĩ: “Vì sao súc vật lại sinh ra người!”. Rồi nhập định tư duy, thấy được nguyên nhân, đó chính là con mình, nên đâm ra yêu mến đứa trẻ ấy, bèn dùng y bọc lại đem về nuôi dưỡng, và thường đem nó đến chỗ nai mẹ để nai cho bú, dần dần lớn lên, được đặt tên là Lộc-ban. Vì do mẹ sinh nên trên mình loang lổ giống như mẹ, thế nên đặt tên Lộc-ban. Đồng tử ấy lần lần khôn lớn, đến năm bảy tuổi thì biết kính trọng tôn trưởng, nhân ái hiếu từ, thường hái quả, mang nước cúng dường Tiên nhân.

Khi ấy, Tiên nhân thâm nghĩ: “Cái đáng sợ nhất trong thiên hạ không gì hơn là phụ nữ”. Liền dạy con: “Cái đáng sợ nhất không gì hơn là phụ nữ, nên chính trị bại vong, đức hạnh bị băng hoại, đều do nó cả”. Dạy như thế rồi, ông liền dùng thần thông nhập định, tự hóa, như bài kệ tả:

*Hết thấy mọi chúng sinh
Không ai tránh khỏi chết
Ra đi tùy theo nghiệp
Tự nhận lấy quả báo.
Làm thiện sinh lên trời
Tạo ác vào đại ngục
Hành đạo tu phạm hạnh
Hết lậu, được Niết-bàn.*

Thế rồi Tiên nhân mệnh chung. Bấy giờ, đồng tử tịnh tu phạm hạnh, đạt được bốn thiền của ngoại đạo, phát sinh năm thần thông, được Đại thần lực, có thể dời núi, chặn đứng dòng nước, hoặc rờ mặt trời, mặt trăng.

Lúc này, Đế Thích cỡi voi trắng du hành trong thế gian để xem ai hiếu thuận cha mẹ, cúng dường Sa-môn, Ba-la-môn, ai bố thí, giữ giới, tu phạm hạnh. Lúc Đế Thích đang du hành, bỗng thấy đồng tử Tiên nhân ấy, liền thâm nhủ: “Nếu đồng tử này muốn cầu Đế Thích, Phạm Vương, đều có thể được, vậy ta cần sớm loại trừ y”, như lời kệ:

*Chư Thiên và loài người
Tất cả mọi chúng sinh
Không ai thoát trói buộc
Do hai thứ kiết sử
Keo kiệt và ganh tỵ*

Chết phải sinh cõi ác.

Đoạn nói về chư Thiên, họ có ba loại trống dùng trong ba lúc: Lúc chư Thiên và A-tu-la đánh nhau, thì đánh trống thứ nhất. Lúc các loài hoa trong vườn Câu-tỳ-la nở, thì đánh trống thứ hai. Khi tập họp chư Thiên tại giảng đường thiện pháp để nghe pháp, thì đánh trống thứ ba.

Khi ấy, Đế Thích đánh trống thuyết pháp, vô số trăm ngàn Thiên tử đều tập họp về đó. Họ bèn hỏi Đế Thích: “Có điều chi dạy bảo chẳng?”. Đế Thích nói với họ: “Cõi Diêm-phù-đề có Tiên nhân đồng tử tên là Lộc-ban, y có công đức lớn, ta muốn dùng phương tiện để hãm hại y”. Vô số Thiên tử nghe nói thế không vui, liền tự nhủ thầm: “Nếu hãm hại người ấy thì chư Thiên sẽ suy giảm, mà chúng A-tu-la sẽ tăng thêm”. Nhưng trong chư Thiên có người bình tĩnh suy nghĩ: “Không nên chủ trương sự thành bại”. Lại có hạng người vui lòng tán thán ý đồ hãm hại vị Tiên nhân ấy. Đoạn một vị Thiên tử hỏi: “Người nào nên đi?”. Bồng có người đáp: “Vị Thiên nữ kia nên đi”.

Lúc này, chư Thiên đang dạo chơi các khu vườn, hoặc tại vườn Hoan-hỷ, hoặc tại vườn Tạp-sắc, hoặc tại vườn Lộc sáp. Thiên nữ phải đến các nơi đó gọi họ về. Tức thì, trăm ngàn Thiên nữ đều tập họp về. Có một Thiên nữ tên A-lam-phù, vì tóc cô có bốn màu xanh vàng đỏ trắng pha tạp nên gọi là tạp sắc, Đế Thích liền sai Thiên nữ này xuống Diêm-phù để phá hoại đồng tử Lộc-ban. Thiên nữ ấy bạch với Đế Thích: “Tôi từ trước tới nay đã nhiều lần phá những người tu phạm hạnh, vì vậy mà mất thân thông, xin Thiên đế sai Thiên nữ khác đốn chánh, đẹp đẽ có thể làm cho người ta vui lòng”. Lúc ấy, Đế Thích lại đọc một bài kệ để khuyến dụ Thiên nữ, đại khái: “Người có sứ mệnh phải đi hủy hoại Câu-xá-tần-đầu (Tiên nhân đồng tử)”, như trong kinh Bản Sinh nói. Thế rồi, Thiên nữ bèn đi phá hoại đồng tử Tiên nhân.

Phật liền bảo với các Tỳ-kheo: “Đồng tử Tiên nhân Câu-xá-tần-đầu thuở ấy nào phải ai khác đâu mà chính là Thiển Nan-đề ngày nay. Còn Thiên nữ A-lam-phù cũng chính là cô Thiên nữ ngày nay. Nan-đề ngày xưa đã từng bị cô ấy phá hoại, ngày nay làm Tỳ-kheo, cũng bị cô ta hại nữa”.

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

Tỳ-kheo nào hành dâm ngay cả với loài súc vật cũng phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá (nói rộng như trên), có các Tỳ-kheo kiết hạ an cư nơi này nơi khác. An cư xong, họ đi về thành Vương-xá lễ bái, thăm viếng Đức Thế Tôn. Mỗi người tùy thích

chọn chỗ an trú, hoặc ở Tinh xá Tỳ-ba-la, hoặc ở tinh xá Bạch-sơn, hoặc ở tinh xá Phương-sơn, hoặc ở trong động của Tiên nhân, hoặc ở trong hang núi Kỳ-xà-quật, hoặc ở trong hang núi Biện-tài, hoặc ở tinh xá trong vườn Câu-lợi, hoặc ở tinh xá trong vườn Lại-tra, hoặc ở tinh xá trong vườn Sư-tử, hoặc ở tinh xá trong vườn Thất-diệp, hoặc ở tinh xá Ôn-tuyền, hoặc ở trong hang Tán cái, hoặc ở trong hang Am-la, hoặc ở trong hang Ty-thi, hoặc ở tinh xá Viên-hầu.

Khi các Tỳ-kheo khách đến tinh xá Viên-hầu này, liền đến vị Tỳ-kheo tri thức cự trú để cùng chúc tụng vấn an. Chúc tụng xong, vị Tỳ-kheo cự trú liền cung cấp nước tắm, nước rửa tay chân, nước uống dùng trưa và chiều, chỉ chỗ phòng nghỉ. Do vậy, các Tỳ-kheo khách đều có chỗ an nghỉ.

Lúc ấy, trên đỉnh núi có một con vợnon cái, từ trên núi xuống, đến trước Tỳ-kheo cự trú, đứng quay lưng lại, hiện tướng muốn được hành dâm. Tỳ-kheo cự trú liền quát tháo đuổi đi. Nó lại đến trước các Tỳ-kheo khách, đứng quay lưng lại, cũng hiện tướng muốn được hành dâm như thế.

Khi ấy, các Tỳ-kheo khách suy nghĩ: “Phàm loài dã thú, vốn hay sợ hãi vì sao con vật này bị xua đuổi mà vẫn không đi, việc này ắt có uẩn khúc gì đây; biết đâu ở chốn này lại không có kẻ nào đó dùng con vợnon cái này để làm điều bất tịnh (hành dâm)?”. Nghĩ thế, các Tỳ-kheo khách nói với Tỳ-kheo cự trú: “Này Trưởng lão, giờ đây chúng tôi muốn ra đi, thầy có thể thu lại giường nệm”. Vị cự trú Tỳ-kheo nói: “Các Trưởng lão, hiện giờ ở trú xứ này có giường nệm tốt, ngày ăn hai bữa, an ổn, vui vẻ, mong các Trưởng lão xem lại mà cùng an trú nơi đây”. Các Tỳ-kheo khách đáp: “Không ở”. Vị Tỳ-kheo cự trú ân cần mời đến Ba lần, nhưng các Tỳ-kheo khách vẫn không chuẩn thuận lời thỉnh cầu của thầy, cứ việc ra đi.

Khi ấy, những Tỳ-kheo khách nào lòng không nghi ngờ, hễ ra khỏi trú xứ liền đi luôn, còn những Tỳ-kheo khách nào lòng có ngờ vực, thì ẩn thân một nơi gần đó để theo dõi sự việc. Cự trú Tỳ-kheo thấy khách Tỳ-kheo đã đi hết, liền thu dọn ngoại cụ, thu xếp xong, rửa chân rồi ngồi nghỉ. Bấy giờ con vợnon cái lại từ trên đỉnh núi đi xuống, đến trước cự trú Tỳ-kheo quay lưng lại. Thế rồi, vị cự trú Tỳ-kheo cùng với con vợnon cái này làm điều phi pháp (hành dâm). Các khách Tỳ-kheo từ xa trông thấy thế, liền cùng bảo nhau: “Những gì ta nghi ngờ, giờ đây đã hiện rõ”.

Vì nhân duyên đó, họ liền đi đến bạch lên Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn! Trong vườn Trường-vĩ (Viên hầu) thầy Tỳ-kheo cự trú đã làm

một việc tội tệt như thế...”.

Phật dạy: “Hãy gọi Tỳ-kheo ấy đến đây”.

Khi Tỳ-kheo ấy đến, Phật hỏi thầy: “Ông có làm việc đó thật không?”.

Thầy đáp: “Thật có vậy, bạch Thế Tôn!”.

Phật nói với thầy: “Ông không biết rằng Ta đã chế giới không được hành dâm hay sao?”.

Thầy đáp: “Bạch Thế Tôn! Con biết Phật đã chế giới, nhưng con nghĩ, không được hành dâm với loài người và phi nhân, chớ không phải với súc sinh”.

Phật nói: “Tỳ-kheo hành dâm với súc sinh cũng mắc tội Ba-la-di. Các Tỳ-kheo nên biết, có ba việc phạm Ba-la-di. Đó là: Tỳ-kheo hành dâm với loài người, loài phi nhân và súc sinh, như vậy là ba việc”.

Lại nữa, khi Phật trú tại thành Xá-vệ (nói rộng như trên), bấy giờ có một Tỳ-kheo, đến giờ khát thực, khoác y cầm bát vào thành khát thực, tuần tự đi đến một nhà kia, bỗng có một phụ nữ gọi bảo Tỳ-kheo: “Đại đức hãy vào đây, cùng tôi làm việc như thế (hành dâm)”.

Thầy Tỳ-kheo đáp: “Thế Tôn chế giới không được hành dâm”. Người phụ nữ lại nói: “Tôi biết không thể hành dâm bằng con đường thông thường (âm đạo), nhưng có thể hành dâm bằng con đường khác (hậu môn, hoặc miệng)”.

Thế rồi, thầy Tỳ-kheo ấy cùng với người phụ nữ hành dâm bằng con đường khác. Hành dâm xong thầy sinh hồ nghi, liền đi đến chỗ Thế Tôn bạch lên sự kiện ấy.

Phật nói với thầy: “Ông không biết rằng Ta chế giới không được hành dâm hay sao?”

Thầy đáp: “Bạch Thế Tôn! Con biết Phật đã chế giới, nhưng con nghĩ là không được hành dâm theo con đường thông thường, chớ không phải hành dâm theo con đường khác”.

Phật liền nói với thầy Tỳ-kheo ấy: “Con đường khác cũng phạm Ba-la-di”.

Lại một trường hợp khác, Phật cũng an trú tại thành Xá-vệ (nói rộng như trên), bấy giờ có một Tỳ-kheo đến giờ khát thực, bèn khoác y cầm bát đi vào thành, tuần tự khát thực đến một nhà kia.

Lúc ấy có một người con trai từ trong nhà gọi Tỳ-kheo, nói: “Đại đức, có thể vào đây, chúng ta cùng làm việc như thế (hành dâm)”.

Thầy Tỳ-kheo đáp: “Đức Thế Tôn chế giới không được hành dâm”.

Cậu trai ấy bảo: “Tôi biết Phật chế giới không được hành dâm với phụ nữ, còn tôi là nam giới”.

Thế là thầy liền thuận theo ý đồ của Y (cùng hành dâm). Khi hành động xong, thầy sinh hồ nghi, hối hận, liền đi đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật nói với thầy: “Ông không biết Ta chế giới không được hành dâm sao?”.

Thầy đáp: “Bạch Thế Tôn! Con biết Đức Thế Tôn có chế giới, nhưng con tự nghĩ là không được hành dâm với phụ nữ, chứ không phải với nam giới”.

Phật nói với Tỳ-kheo ấy: “Hành dâm với nam giới cũng phạm Ba-la-di”.

Một trường hợp khác, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ (nói rộng như trên), có một Tỳ-kheo đến giờ khát thực, khoác y cầm bát vào thành, lần lượt khát thực đến một nhà kia, trong nhà ấy có một người hoàng môn (phi nam phi nữ), gọi Tỳ-kheo ấy nói: “Đại đức có thể vào đây, cùng tôi làm việc như thế”. Thầy Tỳ-kheo đáp: “Đức Thế Tôn chế giới không được hành dâm”. Người ấy nói: “Tôi biết Phật chế giới không được hành dâm với phụ nữ và nam giới, còn tôi là phi nam phi nữ”.

Thế rồi, thầy Tỳ-kheo liền tùy thuận theo ý đồ của y. Nhưng khi hành động xong, thầy sinh hồ nghi, hối hận, bèn đi đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật liền hỏi thầy Tỳ-kheo ấy: “Ông không biết rằng Ta chế giới không được hành dâm sao?”.

Thầy đáp: “Bạch Thế Tôn! Con biết Đức Thế Tôn có chế giới, nhưng nghĩ là không được hành dâm với phụ nữ và nam giới, còn người hoàng môn này là phi nam phi nữ kia”.

Phật dạy: “Tỳ-kheo hành dâm với kẻ hoàng môn cũng phạm Ba-la-di”. Và Phật dạy tiếp: “Tỳ-kheo hành dâm với ba đối tượng sau đây phạm Ba-la-di: Với người nam, người nữ và hoàng môn. Đó là ba đối tượng”.

Lại nữa, lúc Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly (nói rộng như trên), bấy giờ có một Tỳ-kheo đến giờ khát thực, liền khoác y, cầm bát, đi vào thôn xóm trong thành để khát thực, tuần tự đi đến một nhà kia, trong nhà ấy có một phụ nữ gọi thầy Tỳ-kheo ấy nói: “Đại đức có thể vào đây, cùng tôi làm chuyện như thế”.

Thầy Tỳ-kheo đáp: “Đức Thế Tôn chế giới không được hành

dâm”.

Người phụ nữ nói: “Tôi biết không được, nhưng thầy có thể mặc y, còn tôi thì khóa thân”.

Đoạn thầy Tỳ-kheo bèn tùy thuận ý đồ của cô ấy. Hành động xong, thầy dâm nghi ngờ, hối hận, liền đi đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền khiển trách thầy: “Ông không biết Ta chế giới không được hành dâm sao?”.

Thầy đáp: “Bạch Thế Tôn! Con biết Phật có chế giới, nhưng ở đây con mặc y, còn cô ấy khóa thân”.

Phật liền nói với Tỳ-kheo ấy: “Một đàng mặc y, một đàng khóa thân, cũng phạm Ba-la-di”.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly (nói rộng như trên), bấy giờ có một Tỳ-kheo đến giờ khát thực, liền khoác y, cầm bát đi vào trong thành để khát thực. Thầy khát thực tuần tự đến một nhà kia, khi ấy có một phụ nữ gọi thầy nói: “Đại đức có thể vào đây, cùng tôi làm việc như thế”.

Thầy Tỳ-kheo đáp: “Đức Thế Tôn chế giới không được hành dâm”.

Người phụ nữ nói: “Tôi biết, nhưng thầy có thể khóa thân, còn tôi thì che thân”.

Thầy liền tùy thuận theo ý đồ của cô ấy. Nhưng sau khi hành động, thầy bỗng sinh nghi ngờ, hối hận, liền đi đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật bèn khiển trách thầy: “Ông không biết rằng Ta đã chế giới không được hành dâm sao?”.

Thầy đáp: “Bạch Thế Tôn! Con biết Phật có chế giới, nhưng ở đây cô ấy che thân, còn con khóa thân”.

Phật dạy: “Cô ấy che thân, còn ông khóa thân cũng phạm Ba-la-di, thậm chí hai căn (dương vật và âm hộ) chỉ chạm nhau bằng hạt mè cũng phạm Ba-la-di”.

Lại nữa, lúc Phật an trú tại thành Xá-vệ (nói rộng như trên), bấy giờ có thầy Tỳ-kheo từ phương khác đến, thầy có nam căn (dương vật) dài lớn, liền tự đút vào hậu môn để thỏa mãn tính dục. Hành động xong, thầy sinh nghi ngờ, hối hận liền đi đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật bèn khiển trách thầy: “Ông không biết là Phật đã chế giới không được hành dâm sao?”.

Thầy đáp: “Bạch Thế Tôn! Con biết Phật có chế giới, nhưng con nghĩ là cấm đối với người khác chứ không phải với chính mình”.

Phật dạy: “Hành dâm với chính mình, cũng phạm Ba-la-di”.

Lại nữa, lúc Phật an trú tại thành Xá-vệ (nói rộng như trên), bấy giờ có một Tỳ-kheo từ phương Nam đến, trước kia thầy vốn là một vũ công, nên thân thể tay chân mềm mại, lúc ấy tình dục khởi lên mãnh liệt, thầy liền dứt dương vật vào miệng để hành dâm. Hành dâm xong, thầy sinh nghi ngờ, hối hận, liền đi đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật liền khiển trách thầy: “Ông không biết là Ta chế giới không được hành dâm sao?”.

Thầy đáp: “Bạch Thế Tôn! Con biết Phật có chế giới, nhưng con nghĩ là không cấm tự dứt (dương vật) vào miệng mình”.

Phật dạy: “Tự dứt vào miệng mình cũng phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo hành dâm ở ba chỗ là: Miệng, đường tiểu tiện và đại tiện, đều phạm Ba-la-di”.

Lại nữa, lúc Phật an trú tại thành Vương-xá (nói rộng như trên) khi ấy có một Tỳ-kheo đến giờ khát thực, liền khoác y, cầm bát vào thôn xóm, tuần tự khát thực, khi đến nhà của một dâm nữ, dâm nữ bèn gọi Tỳ-kheo nói: “Đại đức có thể vào đây cùng tôi làm chuyện như thế”. Thầy Tỳ-kheo đáp: “Đức Thế Tôn chế giới không được hành dâm”. Cô dâm nữ nói: “Tôi cũng biết không được hành dâm, nhưng ở đây hành dâm nơi âm hộ và xuất tinh ở ngoài (thì đâu có sao)”.

Thầy bèn tùy theo ý của cô ta. Khi hành động xong, thầy sinh nghi ngờ, hối hận liền đi đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật liền khiển trách thầy: “Ông không biết là Phật đã chế giới không được hành dâm sao?”.

Thầy đáp: “Bạch Thế Tôn! Con biết Phật có chế giới, nhưng ở đây hành dâm nơi âm hộ và xuất tinh ở ngoài”.

Phật nói: “Hành dâm bên trong (âm hộ) và xuất tinh ở ngoài, hay hành dâm ở ngoài rồi xuất tinh ở trong, thậm chí hai căn (dương vật và âm hộ) chỉ chạm nhau một tí bằng hạt mè cũng phạm Ba-la-di”.

Lại nữa, lúc Phật an trú tại thành Vương-xá (Nói rộng như trên) bấy giờ có các khách buôn từ phương Bắc xa xôi đến đó, họ suy nghĩ: “Chúng ta từ phương xa đến đây an ổn, không gặp nạn giặc cướp, nên tự ăn mừng, liền bày ra các thức ăn uống, mời các nhạc công đến (múa hát), rồi cùng nhau ăn uống vui vẻ.

Bấy giờ, trong thành Vương-xá cũng có năm trăm dâm nữ cũng tụ tập một chỗ. Lúc ấy, các thương khách liền sai một người tín cẩn nói với một dâm nữ tuyệt diệu nhất: “Cô hãy đến truy hoan cùng chúng tôi”.

Dâm nữ đáp: “Tôi đã hẹn trước với nhà Vua đêm nay phải đến ở

lại trong cung. Nếu ông gọi ban ngày, tôi có thể đến với ông”.

Thương nhân giận dữ nói: “Không hiểu vật tội tệ mà cô nhận được khi cô đến chỗ nhà Vua là vật gì? Hôm nay nếu cô chịu đến truy hoan với chúng tôi, chúng tôi sẽ tặng cô nhiều món bảo vật”.

Vì tham vật báu, dâm nữ liền hứa với thương nhân, rồi gian trá trang điểm một tỳ nữ đoan chánh nhất giả dạng mình, bảo y đến với nhà Vua, lại căn dặn: “Người đến chỗ nhà Vua, phải khéo dùng phương tiện làm sao cho thật giống với hình dạng của ta, đừng để Vua biết là không phải ta”.

Lúc đó Vua tắm xong, mặc đồ tươm tất, ngồi chờ dâm nữ, mơ tưởng đến cô, bỗng chốc cô hiện đến. Nhưng từ xa Vua trông thấy, biết đó là đứa đây tớ chứ không phải dâm nữ, liền chặn lại mắng: “Người là ai mà lại đến đây?”. Tỳ nữ hoảng sợ liền tâu thật với Vua: “Các thương nhân ở phương Bắc xa xôi mang bảo vật đến, đã đem nhiều vật quý tặng chủ nhân tôi. Chủ nhân tôi vì thấy nhiều của quý, khởi lòng tham, nên sai tôi đi thay để đáp lời hứa trước, nhưng tưởng Đại vương không biết”. Vua nghe tỳ nữ nói, liền nổi giận mắng: “Con tiện tỳ kia, sao người dám coi thường, lừa dối ta”. Liền sai lính hầu cắt bỏ hình nữ (âm hộ) của cô.

Đoạn nói về các thương nhân, từ xa trông thấy sứ giả đến, họ biết là do Vua sai tới, liền xa chạy cao bay. Sứ giả liền bắt dâm nữ, cắt bỏ hình nữ. Đến khi sứ giả của Vua về hết, các thương nhân trở lại chỗ cũ, thấy dâm nữ như thế, ai nấy đều động lòng thương cảm. Họ liền gọi lương y đến, trọng thưởng, nhờ chữa trị vết thương cho dâm nữ. Vị y sĩ này tài giỏi, nên chữa trị vết thương bình phục rất nhanh.

Khi ấy, Tôn giả Ưu-ba-ly, nhân sự việc dâm nữ như thế, biết đúng lúc bèn hỏi Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn! Nếu có người cắt nữ hình bỏ đi, rồi Tỳ-kheo hành dâm nơi chỗ hư hoại ấy, có phạm Ba-la-di không?”.

Phật dạy: “Phạm Ba-la-di”.

Lại hỏi: “Bạch Thế Tôn! Nếu nữ hình lìa khỏi thân, hành dâm nơi nữ hình ấy, có phạm Ba-la-di không?”.

Phật dạy: “Mắc tội Thâu-lan-giá”.

Lại hỏi tiếp: “Bạch Thế Tôn! Nếu nữ hình ráp lại với thân mà vết thương chưa lành, hành dâm nơi ấy, có phạm Ba-la-di không?”.

Phật dạy: “Phạm Ba-la-di”.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá (nói rộng như trên), bấy giờ Vua A-xà-thế sinh một đồng tử, đặt tên là Ưu-đà-di-bạt-đà-la, dương vật của cậu bé này bị nhiễm trùng, đã dùng mọi thứ thuốc chữa

trị nhưng vẫn không lành. Thấy đứa bé bị vết thương hành hạ đau đớn, người vú nuôi thường dùng miệng ngậm dương vật, hơi ấm truyền vào, nên giảm bớt sự đau đớn. Bà vú thường ngậm luôn, dương vật được tiếp xúc với hơi ấm, do đó xuất tinh. Khi xuất tinh, vi trùng liền theo tinh khí ra ngoài. Nhờ thế, đứa trẻ dần dần lành bệnh, dứt hết thống khổ. Từ đó trở đi, nó thường sử dụng phương pháp hành dâm nơi đường miệng, lâu ngày thành thói quen, do đó, nó cưỡng bức những bà vú nuôi khác để nó hành dâm nơi đường miệng.

Cậu ta có một người vợ, cô này suy nghĩ: “Chồng ta đã tập quen thói ấy, sẽ không cần đến ta nữa, vậy ta phải dùng phương tiện gì để ngăn chặn những chuyện xấu ấy”. Thế rồi, cô khoác y, trùm lên mặt, để thân thể lỏa lồ, đi đến chỗ mẹ chồng, lễ bái thưa hỏi mẹ. Mẹ chồng mắng: “Người điên rồi sao? Tại sao làm như thế?”. Cô đáp: “Không điên, chỉ vì con của đại gia (mẹ) bỏ con đường thông thường mà sử dụng đường miệng, cho nên con che miệng lại”. Rồi cô trình bày đầy đủ sự việc trên cho mẹ chồng nghe.

Bấy giờ, trong cung ai nấy rỉ tai nhau, khiến mọi người ở ngoài đều hay biết cả. Do đó, nhiều người bắt chước hành dâm nơi đường miệng.

Biết việc như thế, các Bà-la-môn, cư sĩ ở thành Vương-xá, cùng đi đến chỗ Vua tâu: “Tâu Đại vương, trong nước hiện nay đang lưu hành một thói xấu. Vì sao miệng là chỗ ăn uống mà lại dùng làm sự bất tịnh (hành dâm)?”.

Vua nghe lời tâu ấy, cho là việc không thể nào chấp nhận được, liền ra lệnh: “Từ nay trở đi, nếu ai làm việc đó, hoặc xúi kẻ khác làm, phải trị tội thật nặng”.

Lúc này, Tôn giả Ưu-ba-ly biết đúng lúc, nên hỏi Đức Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo hành dâm nơi đường miệng, có phạm Ba-la-di không?”.

Phật dạy: “Cả hai đều phạm Ba-la-di”.

Tôn giả lại bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo cùng Sa-di hành dâm nơi đường miệng, có phạm Ba-la-di không?”.

Phật dạy: “Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, còn Sa-di thì đui đi”.

Lại bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo cùng bạch y hành dâm nơi đường miệng thì thế nào?”.

Phật dạy: “Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, còn bạch y thì theo sự quy định của luật pháp thế gian”.

Lại bạch Thế Tôn: “Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo-ni hành dâm nơi

đường miệng thì thế nào?”.

Phật dạy: “Cả hai đều phạm Ba-la-di”.

Tôn giả lại hỏi: “Bạch Thế Tôn! Nếu ngoại đạo xuất gia cùng Tỳ-kheo hành dâm nơi đường miệng thì thế nào?”.

Phật dạy: “Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, nhưng ngoại đạo thì theo sự quy định của họ biết làm thế nào được!”.

